



I. Khái quát

- Tên nước: Cộng hòa Mauritius, thủ đô: Port Louis
- Diện tích: 2.040 km²
- Dân số: 1.303.717 người (2010)
- Dân tộc: Mauritian-Ấn 68%, Creole 27%, Mauritian-Trung Quốc 3%, Mauritian-Pháp 2%.
- Ngôn ngữ: tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, Creole 80,5%, Bhojpuri 12,1%, tiếng Pháp 3,4%, (2000).
- Tôn giáo: Hindu 48%, Thiên chúa giáo 23,6%, Hồi giáo 16,6%, (2000)
- Thể chế chính trị: Cộng hòa nghị viện
- Tài nguyên thiên nhiên: rừng, thủy sản...
- Đơn vị tiền tệ: Mauritian rupees (MUR), 1 USD = 30,991 MUR (2010)
- Thành viên của các tổ chức: ACP, AfDB, AOSIS, AU, C, COMESA, CPLP (thành viên liên kết), FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICCT, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRC, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, InOC, Interpol, IOC,

IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, SAARC (quan sát viên), SADC, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO.

- Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam: 04/5/1994

II. Sơ lược lịch sử

Ngày từ thế kỷ thứ 10, các thủy thủ người Malaysia và Ả-rập đã biết đến đảo Mauritius trên con đường hàng hải nam Ấn Độ dương. Tuy nhiên, phải đến khoảng thế kỷ 16 đảo Mauritius mới được người Bồ Đào Nha thực sự khai thác. Đến thế kỷ 17 khi người Đức tiếp quản Mauritius từ tay người Bồ Đào Nha đã lấy tên hoàng tử Maurits van NASSAU để đặt cho hòn đảo này. Đến năm 1715, người Pháp nắm quyền cai quản đảo Mauritius, phát triển Mauritius thành căn cứ hải quân quan trọng kiểm soát giao thương trên Ấn Độ dương đồng thời gây dựng ngành kinh tế dựa trên trồng mía đường. Đến năm 1810, người Anh chiếm được đảo Mauritius từ tay người Pháp và cũng duy trì đảo này làm căn cứ hải quân quan trọng của mình. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, căn cứ này còn đóng vai trò là sân bay quân sự quan trọng trong các nhiệm vụ chống tàu ngầm và thu thập tin tức đối phương. Cho đến năm 1968, Anh trao trả độc lập cho Mauritius.

Từ sau khi giành độc lập, Mauritius đã có những bước phát triển kinh tế, xã hội quan trọng trong thời gian nhiều thập kỷ liên tục. Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã giúp nền kinh tế nước này phát triển và hiện đạt mức thu nhập quốc dân theo đầu người vào hàng cao nhất Châu Phi. Những vấn đề kinh tế thế giới gần đây ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của Mauritius.

III. Số liệu kinh tế cơ bản

Mauritius là một nước có nền kinh tế đa dạng, thu nhập trung bình, với nền công nghiệp, dịch vụ tài chính, và ngành du lịch đang phát triển với tốc độ hàng năm từ 5% đến 6%. Cây mía chiếm 90% diện tích đất canh tác và chiếm 25% giá trị xuất khẩu.

Sản phẩm công nghiệp: Thực phẩm (phần lớn là đường), hàng dệt, hàng may mặc, hóa chất, kim loại, thiết bị giao thông, máy móc cơ khí.

Sản phẩm nông nghiệp: Mía, chè, ngô, khoai tây, chuối, đậu ; gia súc, cá.

- GDP : 17,49 tỷ USD (2010)
- GDP bình quân đầu người: 13.500 USD (2010)
- Tăng trưởng GDP: 1,7%
- Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 4,8%, công nghiệp 24,6%, dịch vụ 70,5%
- Kim ngạch xuất khẩu: 2,041 tỷ USD (2010)
- Các mặt hàng xuất khẩu chính: hàng dệt may, đường, hoa, đường mật, cá...
- Các nước xuất khẩu chính: Anh 25,55%, Pháp 16,89%, Mỹ 9,51%, Italy 5,68%, UAE 5.47%, Bỉ 4,93%, Madagascar 4,11% (2009)

- Kim ngạch nhập khẩu: 3,935 tỷ USD (2010)
- Các mặt hàng nhập khẩu chính: hàng chế biến, thiết bị cơ bản, lương thực thực phẩm, sản phẩm dầu mỏ, hóa chất...
- Các nước nhập khẩu chính: Ấn Độ 24,5%, Pháp 14,02%, Nam Phi 8,55%, Trung Quốc 8,17% (2009)

IV. Quan hệ Việt Nam – Mauritius

Về thương mại, Mauritius nhập của ta các mặt hàng như sản phẩm hóa chất, hàng hải sản, sợi các loại, máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng...và xuất sang Việt Nam chủ yếu là sắt thép phế liệu, vải, sản phẩm từ dầu mỏ...

Bảng 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – Mauritius 2005 – 2010

Đơn vị: USD

Năm	Tổng kim ngạch	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2007	5.824.620	3.688.466	2.136.154
2008	10.560.967	6.184.507	4.376.460
2009	9.293.852	7.348.542	1.945.310
2010	9.264.558	7.590.905	1.673.653
6 tháng đầu 2011	8.554.395	5.133.323	3.421.072

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

6 tháng đầu năm 2011, trao đổi thương mại giữa hai nước có xu hướng tăng mạnh.

Bảng 2. Kim ngạch xuất khẩu của VN sang Mauritius 6 tháng đầu năm 2011

Sản phẩm xuất khẩu	Giá trị (USD)		
Bánh, kẹo & sản phẩm từ ngũ cốc	USD		27,814
Bao túi thuộc chương 63	USD		41,930
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	20	60,690
Đĩa DVD	USD		29,160
Điện thoại di động và linh kiện	USD		8,600
Gạo	Tấn	148	75,620
Giày dép các loại	USD		2,250
Gỗ & sản phẩm gỗ	USD		24,352
Hàng Hải sản	USD		547,543
Hàng hoá khác	USD		287,796
Hàng rau quả	USD		26,257
Kem đánh răng	USD		1,247
Kính xây dựng	USD		92,657
Linh kiện phụ tùng ô tô khác	USD		36,126
Linh kiện phụ tùng xe máy	USD		32,231
Máy giặt	USD		122,256
Máy móc thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	USD		138,390
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	USD		48,787

Nguyên phụ liệu dệt may, da & giày	USD		6,730
Nước uống các loại đóng chai (mã 2202)	USD		10,084
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		8,141
Que, dây hàn	USD		1,924
Sản phẩm chất dẻo	USD		121,738
Sản phẩm dệt may	USD		1,168
Sản phẩm gỗ	USD		39,467
Sản phẩm gốm, sứ	USD		22,795
Sản phẩm hoá chất	USD		1,573,958
Sản phẩm sắt thép	USD		84,221
Sản phẩm từ cao su	USD		30,893
Sắt thép các loại	Tấn	47	50,993
Sợi các loại	Tấn	160	1,452,859
Tủ lạnh	USD		53,918
Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù	USD		12,773
Vải	USD		57,955

Tổng cộng

5,133, 323

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Bảng 3. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Mauritius 6 tháng đầu 2011

Những mặt hàng nhập khẩu

			Tri giá (USD)
Dầu mỡ động thực vật	USD		125,210
Hàng Hải sản	USD		797,891
Hàng hoá khác	USD		3,888
Máy móc thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	USD		39,629
Sản phẩm dệt may	USD		26,511
Sản phẩm hoá chất	USD		1,203
Sản phẩm từ dầu mỏ khác	USD		25,113
Sắt thép phế liệu	USD		1,744,867
Thức ăn gia súc & nguyên liệu	USD		68,571
Vải	USD		588,189
Tổng cộng			3,421,072

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Hoàng Đức Nhuận